

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCĐ NĂM 2018

Phụ lục 7

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH LUẬT KINH TẾ (7380107)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-HDTSĐHCĐ2018 ngày 13 /8/2018 của Chủ tịch HDTSĐHCĐ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng T
1	1	01004526	ĐỖ QUANG ANH	000200000043	12/04/2000	Nam	0	0	D01	17.4	17.4	NV4
2	3	15000771	TẠ NGUYỄN DUY NAM	132430834	16/08/2000	Nam	0	0.25	A00	17.1	17.35	NV1
3	4	16003182	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	026300003794	04/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.85	17.35	NV2
4	6	01038675	PHẠM NGUYỆT MINH	017531859	26/10/2000	Nữ	0	0	D01	17.3	17.3	NV2
5	7	01000115	NGUYỄN MINH ANH	001300001502	30/07/2000	Nữ	0	0	D01	17.3	17.3	NV3
6	8	01058512	NGUYỄN XUÂN HOÀNG ANH	001200003549	11/08/2000	Nam	0	0.25	D01	17.05	17.3	NV4
7	9	27000436	TẠ HƯƠNG GIANG	037300001023	13/07/2000	Nữ	0	0.75	D01	18.5	19.25	NV1
8	10	29015485	ĐẶNG THỊ NGỌC TRÂM	187840379	25/10/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.53	17.28	NV7
9	11	01007347	VŨ HẢI ANH	001300020947	08/11/2000	Nữ	0	0	D01	17.25	17.25	NV1
10	13	01003357	LƯU LAN ANH	027300000007	10/08/2000	Nữ	0	0	D01	17.2	17.2	NV1
11	14	01074661	NGUYỄN BÁ LONG	001200027839	11/01/2000	Nam	0	0	A00	17.2	17.2	NV1
12	15	21014328	NGUYỄN HƯƠNG TRANG	030300008050	20/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.95	17.2	NV2
13	16	01015788	TRẦN NGỌC MINH	031200000114	29/03/2000	Nam	0	0	A01	17.2	17.2	NV8
14	17	01017896	TRỊNH THỊ PHƯƠNG ANH	027300000044	11/09/2000	Nữ	0	0	D01	17.15	17.15	NV2
15	18	17004744	HOÀNG DUY HÙNG	231200000016	13/10/2000	Nam	0	0.25	A00	16.9	17.15	NV4
16	21	28030765	PHẠM THỊ LIÊN	038300009405	03/02/2000	Nữ	0	0.5	A00	16.6	17.1	NV1
17	22	01003918	BÙI MINH ANH	001300015820	13/11/2000	Nữ	0	0	D01	17.1	17.1	NV1
18	24	01016215	NGUYỄN LINH TRANG	001300002936	14/12/2000	Nữ	0	0	A01	17.1	17.1	NV5

STT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
19	25	01038956	BÙI XUÂN TÂN	001200007421	04/07/2000	Nam	0	0	D01	17.05	17.05	NV1
20	26	01009056	NGHIÊM THỊ VIỆT ANH	132384754	15/09/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.3	17.05	NV1
21	27	15004857	NGUYỄN VIỆT HÀ	071050787	04/05/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.3	17.05	NV1
22	28	09000700	ĐOÀN TRUNG DŨNG	071080620	22/12/1999	Nam	0	0.75	D01	16.3	17.05	NV2
23	29	23004677	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	113782171	17/08/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.3	17.05	NV3
24	30	17005519	NGUYỄN THU HẰNG	022300000274	25/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.75	17	NV1
25	31	01028154	LÊ PHƯƠNG HOA	001300018861	23/10/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.75	17	NV1
26	33	24000479	TRẦN MINH HẰNG	035300004087	13/12/2000	Nữ	0	0.25	A01	16.75	17	NV3
27	35	17013204	PHẠM THỊ THU HẰNG	022300005368	20/11/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.2	16.95	NV1
28	36	25000664	NGUYỄN THANH DƯƠNG	036300008397	10/02/2000	Nữ	0	0.25	A00	16.7	16.95	NV7
29	37	25000742	NGUYỄN THU HẰNG	036300005584	10/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.7	16.95	NV8
30	38	17005293	NGHIÊM THỰC ANH	101342659	25/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.65	16.9	NV1
31	40	17013832	ĐỖ NGỌC HUYỀN	022300003276	15/07/2000	Nữ	0	0.25	A00	16.65	16.9	NV5
32	41	17005682	ĐỖ KHÁNH LINH	022300002153	21/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.65	16.9	NV7
33	42	01008258	NGÔ NGỌC MINH	001300012772	14/07/2000	Nữ	0	0	D01	16.9	16.9	NV7
34	43	01023050	CHU NGỌC ÁNH	001200027844	26/10/2000	Nam	0	0	A00	19.1	19.1	NV1
35	44	01012641	NGUYỄN NHẬT ÁNH	013676309	15/03/2000	Nữ	0	0	D01	16.85	16.85	NV1
36	45	29027267	HỒ MINH ĐỨC	187759372	18/01/1998	Nam	0	0.25	D01	16.6	16.85	NV2
37	46	24000392	QUYÊN THÊ DŨNG	035200004558	16/01/2000	Nam	0	0.25	D01	16.55	16.8	NV1
38	47	24000847	ĐÀO DUY TÙNG	035200001577	29/08/2000	Nam	0	0.25	A01	16.55	16.8	NV4
39	48	25019287	PHẠM THỊ KIỀU TRANG	036300009424	22/08/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.3	16.8	NV4
40	50	03004747	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	031300005742	28/02/2000	Nữ	0	0	A00	16.75	16.75	NV1
41	52	01009881	PHƯƠNG HOÀNG LONG	001200027275	30/03/2000	Nam	0	0	A00	16.7	16.7	NV1
42	53	01013828	NGUYỄN HỒNG NGỌC	001300000801	31/07/2000	Nữ	0	0	D01	16.7	16.7	NV1
43	54	12009750	QUÁCH THU PHƯƠNG	073495999	14/08/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.95	16.7	NV1

Handwritten mark

Handwritten signature

STT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
44	55	01025494	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	001300012930	14/05/2000	Nữ	0	0	D01	16.7	16.7	NV1
45	56	01009902	NGUYỄN BẢO LỘC	001200000917	27/08/2000	Nam	0	0	A00	16.65	16.65	NV1
46	57	01051857	NGUYỄN MINH PHÚC	017538193	25/10/2000	Nam	0	0.25	A01	16.4	16.65	NV1
47	58	01001251	ĐỖ ĐỨC ANH	013681560	17/08/2000	Nam	0	0	A01	18.9	18.9	NV3
48	59	26015935	VŨ BÌNH PHƯƠNG ANH	034300003863	11/08/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.15	16.65	NV8
49	60	01018033	NGUYỄN HOÀNG LỘC	015200000028	10/09/2000	Nam	0	0	D01	16.65	16.65	NV10
50	61	31002232	NGUYỄN HUYỀN TRÂM	044300002196	08/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.35	16.6	NV1
51	63	27005379	PHẠM THỊ BÍCH	164646943	08/04/1999	Nữ	0	0.5	D01	16.1	16.6	NV5
52	64	01039343	PHÙNG TRỌNG ĐẠT	001200021920	05/12/2000	Nam	0	0	A01	16.6	16.6	NV5
53	65	28012871	NGUYỄN THỊ MAI	038300015013	25/07/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.1	16.6	NV5
54	66	01038450	PHẠM THỊ NGỌC HƯƠNG	025300000087	01/06/2000	Nữ	0	0	D01	16.55	16.55	NV1
55	67	01035631	HOÀNG THỊ OANH	001300028040	18/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.3	16.55	NV3
56	68	17003937	PHẠM HOÀNG ĐẠT	022200001680	24/02/2000	Nam	0	0.25	A01	18.65	18.9	NV5
57	69	26004240	VŨ ANH THÁI	034200008420	24/09/2000	Nam	0	0.5	D01	16	16.5	NV1
58	70	08003217	ĐƯƠNG MINH HẬU	063553748	28/08/2000	Nữ	1	0.75	D01	14.75	16.5	NV1
59	71	19000332	NGUYỄN THỊ NHẬT ANH	125932889	22/02/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.2	16.45	NV1
60	72	15000566	ĐIỀU NGỌC HÀ	132429241	28/04/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.2	16.45	NV1
61	74	24001840	CHU TIẾN KHẢI	035200000793	30/11/2000	Nam	0	0.5	D01	15.95	16.45	NV1
62	75	25012016	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	036200000878	22/04/2000	Nam	0	0.5	D01	15.95	16.45	NV2
63	76	19005998	VŨ QUANG ĐỨC	125892033	19/03/2000	Nam	0	0.25	D01	16.2	16.45	NV2
64	77	05000010	NGUYỄN VIỆT ANH	073552318	10/10/2000	Nam	0	0.75	A00	18.15	18.9	NV5
65	78	01073009	NGUYỄN HOÀNG ANH	036200000070	21/03/2000	Nam	0	0	D01	16.4	16.4	NV1
66	79	23000427	NGUYỄN HOÀNG CẨM TÚ	113726228	13/04/2000	Nữ	0	0.75	A00	15.65	16.4	NV2
67	80	17004007	TRẦN HOÀNG HIỆP	022200000216	13/06/2000	Nam	0	0.25	D01	16.15	16.4	NV7
68	81	05000110	PHAN THU HÀ	073501488	21/11/2000	Nữ	2	0.75	D01	13.6	16.35	NV1

ĐP

Yêu

STT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
69	82	22011018	LÊ THANH THẮNG	033200004240	16/07/2000	Nam	0	0.5	A00	15.85	16.35	NV2
70	83	31004277	NGUYỄN HOÀNG OANH	044300002543	11/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	16.1	16.35	NV3
71	85	01010865	LÝ QUỐC ANH	001200007590	05/01/2000	Nam	0	0	D01	16.3	16.3	NV1
72	86	01024019	NGUYỄN TRỌNG BẢO ANH	001200013139	05/02/2000	Nam	0	0	D01	16.3	16.3	NV1
73	88	15002024	HOÀNG THỊ THANH NHÀN	132447635	18/11/2000	Nữ	1	0.25	D01	15	16.25	NV1
74	89	26010193	LÊ HẢI YÊN	000300000076	31/08/2000	Nữ	0	0.5	D01	15.75	16.25	NV1
75	91	26006491	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	034300006330	29/05/2000	Nữ	0	0.5	A00	15.7	16.2	NV6
76	92	01051439	PHÍ THỊ KIM THOA	001300029133	10/09/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.9	16.15	NV1
77	93	01040348	VŨ MẠNH TÙNG	001200017291	23/06/2000	Nam	0	0	D01	18.85	18.85	NV1
78	96	10001181	TÔN LỆ THƯƠNG	082366992	07/10/2000	Nữ	2	0.75	D01	13.35	16.1	NV2
79	98	01009689	LÊ HOÀNG BẢO KHANH	013691762	07/09/2000	Nữ	0	0	D01	16.05	16.05	NV1
80	101	17007490	VŨ NGỌC ANH	022200006501	01/06/2000	Nam	0	0.25	D01	15.75	16	NV2
81	102	01007461	TẠ QUỐC CƯỜNG	001200012802	06/09/2000	Nam	0	0	D01	16	16	NV2
82	103	01040324	BẠCH ANH TÚ	001300016626	29/12/2000	Nữ	0	0	D01	16	16	NV5
83	104	01006292	LÊ THỊ THÚY QUỲNH	001300001443	13/03/2000	Nữ	0	0	A00	16	16	NV6
84	105	05000703	PHAN NGỌC HIẾU	073499581	18/02/2000	Nam	2	0.75	D01	13.25	16	NV6
85	106	10001542	TRUNG THU HƯỚNG	082343701	15/03/2000	Nữ	2	0.75	D01	13.2	15.95	NV1
86	109	14001605	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	051059177	27/12/2000	Nữ	0	0.75	D01	15.2	15.95	NV4
87	111	27003777	VŨ LAN HƯƠNG	164668547	05/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.6	18.85	NV5
88	112	19000846	ĐINH PHAN TÂN	125869668	06/11/2000	Nam	0	0.25	D01	15.65	15.9	NV1
89	113	01074392	VŨ TRUNG DŨNG	001200026909	08/02/2000	Nam	0	0	A00	15.85	15.85	NV1
90	114	28026548	MAI THỊ TRINH	175068799	16/05/2000	Nữ	0	0.5	D01	15.35	15.85	NV4
91	115	01006872	NGUYỄN LỆ NGÂN	001300001392	23/10/2000	Nữ	0	0	A00	15.8	15.8	NV1
92	117	01076486	HOÀNG THẮNG	001096000523	22/06/1996	Nam	2	0	A01	13.75	15.75	NV1
93	119	01018008	NGUYỄN VIỆT LONG	001200010354	26/07/2000	Nam	0	0	D01	15.75	15.75	NV1

AD
Xuân

STT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
94	120	01050300	NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN	001300025991	19/09/2000	Nữ	0	0.25	A01	15.5	15.75	NV1
95	121	05003527	NGUYỄN ĐIỀU LINH	073532495	11/06/2000	Nữ	0	0.75	D01	15	15.75	NV1
96	122	27003867	PHẠM THỊ THẢO NGUYỄN	164679403	12/06/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.6	18.85	NV7
97	123	01004011	NGUYỄN NGỌC ANH	001300001095	29/04/2000	Nữ	0	0	D01	15.75	15.75	NV1
98	124	14001865	NGUYỄN THỊ THỦY	051088431	08/09/2000	Nữ	2	0.75	D01	13	15.75	NV3
99	126	29007644	CAO LÊ HOÀNG YẾN	187805499	01/07/2000	Nữ	0	0.5	D01	15.2	15.7	NV1
100	127	16009711	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	026200000295	16/01/2000	Nam	0	0.25	A00	15.45	15.7	NV1
101	129	16009440	NGUYỄN XUÂN HUY	026200000221	05/11/2000	Nam	0	0.25	D01	15.45	15.7	NV7
102	131	24003022	NGUYỄN THỊ MINH	168607467	23/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	15.1	15.6	NV2
103	132	27001584	DƯ THANH PHƯƠNG	164669772	13/02/2000	Nữ	0	0.5	D01	18.3	18.8	NV1
104	133	01003224	NGUYỄN HƯƠNG TRẢ	001300002384	20/07/2000	Nữ	0	0	D01	15.55	15.55	NV1
105	134	26001548	HOÀNG THỊ NGỌC KHÁNH	034300000312	13/04/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.3	15.55	NV1
106	135	01024127	PHẠM NGUYỄN HOÀNG DUY	001200017260	09/09/2000	Nam	0	0	D01	15.55	15.55	NV1
107	136	26002665	NGUYỄN TỬ ANH	034200000278	22/06/2000	Nam	0	0.25	D01	15.3	15.55	NV1
108	137	40002230	NGUYỄN THỊ THỦY	241699715	20/09/2000	Nữ	0	0.75	D01	14.8	15.55	NV1
109	138	01010475	TRẦN TUẤN NGHĨA	001200031272	09/08/2000	Nam	0	0	A00	15.55	15.55	NV3
110	139	10001742	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	082376737	28/01/2000	Nam	0	0.75	D01	14.8	15.55	NV4
111	141	17007523	BÙI NGỌC DŨNG	034200013117	07/10/2000	Nam	0	0.25	D01	15.25	15.5	NV1
112	142	05000903	HOÀNG YẾN NHI	073498491	22/03/2000	Nữ	2	0.75	A00	12.75	15.5	NV1
113	143	12008495	NGUYỄN THỊ THU NGA	091882776	22/08/2000	Nữ	0	0.25	A00	15.25	15.5	NV1
114	144	19000333	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	125842018	01/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.25	15.5	NV1
115	145	26002553	NGUYỄN VĂN TOÀN	034200000027	23/08/2000	Nam	0	0.25	D01	15.2	15.45	NV1
116	146	13000566	NGUYỄN THU TRANG	061073954	02/02/2000	Nữ	0	0.75	D01	14.65	15.4	NV4
117	147	01011883	NGUYỄN AN BÌNH	001200034410	07/05/2000	Nam	0	0	A00	15.4	15.4	NV4
118	149	10000393	HÀ LAN PHƯƠNG	082356044	18/12/2000	Nữ	0	0.75	D01	14.6	15.35	NV3

Handwritten mark

Handwritten signature

STT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng T
119	150	17007905	NGÔ ANH THƠ	022300001307	15/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.5	18.75	NV1
120	152	01018919	PHẠM HẢI LONG	024200000041	10/07/2000	Nam	0	0	D01	15.3	15.3	NV1
121	153	21010109	ĐINH THỊ QUỲNH ANH	030300003576	09/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	15.05	15.3	NV2
122	156	21007595	NGUYỄN MỸ HẰNG	030300003413	01/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.75	15.25	NV3
123	157	28003813	TÓNG THỊ PHƯỢNG	038300012507	20/04/2000	Nữ	0	0.25	D01	15	15.25	NV4
124	158	28000986	NGUYỄN LÊ MAI CHI	174526688	25/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.5	18.75	NV2
125	161	29004967	BÙI THỊ NGỌC ANH	187787617	24/02/2000	Nữ	0	0.5	A00	14.65	15.15	NV1
126	162	21010217	ĐINH HOÀNG MINH ĐỨC	030200002186	28/07/2000	Nam	0	0.25	D01	14.9	15.15	NV2
127	163	01064010	ĐINH THỊ NGỌC HẪ	001300030438	26/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.85	15.1	NV1
128	166	01038507	BẠCH HẢI LINH	017531792	05/01/2000	Nữ	0	0	D01	15.1	15.1	NV4
129	167	28000760	PHAN THỊ THU TRANG	038300012607	18/06/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.82	15.07	NV1
130	169	01038185	NGUYỄN THỊ THU HẪ	001300021436	08/10/2000	Nữ	0	0	D01	15.05	15.05	NV1
131	170	01030351	HOÀNG THỊ LAN ANH	001300010435	06/05/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.8	15.05	NV16
132	171	05000359	CAO DANH QUÝ	073519300	23/03/2000	Nam	0	0.75	A00	14.25	15	NV2
133	172	01022300	NGUYỄN ĐIỀU LINH	013680006	13/05/2000	Nữ	0	0	D01	15	15	NV2
134	174	11002682	VŨ SƠN HẢI	095278491	30/08/2000	Nam	2	0.75	D01	17.3	20.05	NV1
135	175	40001413	NGUYỄN THỊ LOAN	241816419	28/11/2000	Nữ	0	0.75	A00	17.95	18.7	NV1
136	177	01009647	TRỊNH LÊ HOÀNG YÊN	001300014287	20/07/2000	Nữ	0	0	D01	14.95	14.95	NV1
137	178	29004748	TRẦN THỊ TÌNH	187827632	30/08/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.45	14.95	NV1
138	179	01072983	KIỀU TUẤN ANH	013691616	13/09/2000	Nam	0	0	D01	14.95	14.95	NV1
139	181	22002157	LƯƠNG THỦY DƯƠNG	033300000995	18/11/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.45	14.95	NV3
140	182	01058181	NGUYỄN NGỌC MINH	001200009827	22/10/2000	Nam	0	0.25	D01	14.7	14.95	NV6
141	185	27004668	NGUYỄN LAN NGỌC	164668345	15/02/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.65	14.9	NV1
142	186	01019605	NGUYỄN QUỐC TUẤN	001200007929	01/12/2000	Nam	0	0	D01	14.9	14.9	NV1
143	187	26006779	NGUYỄN NHẬT MINH	034200004401	01/12/2000	Nam	0	0.5	A00	14.4	14.9	NV2

STT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng T1
144	188	01005909	NGUYỄN DƯƠNG HÙNG	001200000468	02/02/2000	Nam	0	0	D01	14.9	14.9	NV3
145	190	28002102	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	038300011920	18/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.6	14.85	NV1
146	193	01005670	DƯƠNG TIỀN ĐẠT	001200002285	23/03/2000	Nam	0	0	D01	14.8	14.8	NV4
147	194	10001522	ĐẶNG THANH HUYỀN	082355387	04/12/2000	Nữ	2	0.75	D01	15.95	18.7	NV6
148	195	01075796	NGUYỄN HẢI HÀ	001199007834	20/11/1999	Nữ	0	0	D01	14.75	14.75	NV1
149	197	18017765	CAO HUY HOÀNG	122378862	19/12/2000	Nam	0	0.25	D01	14.5	14.75	NV4
150	198	28003906	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	038300006631	09/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.45	14.7	NV1
151	200	28013057	LÊ THỊ MINH TRANG	038300015280	29/05/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.15	14.65	NV1
152	204	28028953	LÊ THỊ THỦY DUNG	038300002279	26/06/2000	Nữ	0	0.5	D01	14.1	14.6	NV1
153	206	17008516	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	022300004486	24/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.35	14.6	NV2
154	207	21015189	NGUYỄN THỊ ANH THƠ	030300007298	03/02/2000	Nữ	0	0.25	D01	14.3	14.55	NV1
155	211	16009950	PHẠM THỊ HOA	026300001854	25/03/2000	Nữ	0	0.25	D01	18.4	18.65	NV2
156	212	28012114	PHẠM MINH VƯỢNG	038200009682	26/04/2000	Nam	2	0.75	D01	15.85	18.6	NV1
157	213	01024791	NGUYỄN THỊ SOAN	001300028589	06/03/2000	Nữ	0	0	D01	18.6	18.6	NV9
158	214	26002359	TRẦN ĐỨC MINH	034200006480	07/12/2000	Nam	0	0.25	A01	18.25	18.5	NV1
159	215	15000726	NGUYỄN NGỌC LONG	132430467	12/02/2000	Nam	0	0.25	A01	18.25	18.5	NV1
160	216	01009265	BÙI QUANG DƯƠNG	001200007776	13/06/2000	Nam	0	0	A00	18.45	18.45	NV2
161	217	15009543	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	132423454	08/01/2000	Nữ	0	0.75	D01	17.65	18.4	NV2
162	218	01003443	NGUYỄN MINH HOÀNG	001200033830	26/06/2000	Nam	0	0	D01	18.35	18.35	NV14
163	219	09001915	CHU KHÁNH LINH	071053360	12/01/2000	Nữ	0	0.75	D01	17.55	18.3	NV1
164	220	01012731	NGUYỄN THỊ LINH CHI	001300011530	29/03/2000	Nữ	0	0	D01	18.3	18.3	NV4
165	222	02038365	PHẠM ĐIỂM QUỲNH	025996106	08/08/2000	Nữ	0	0	A00	18.25	18.25	NV3
166	223	27006224	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	037300000460	10/10/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.7	18.2	NV1
167	225	19004374	NGUYỄN THỊ HIỀN	125857357	08/11/2000	Nữ	0	0.5	A00	17.7	18.2	NV1
168	226	27003685	NGUYỄN QUÝ DƯƠNG	164679068	18/04/2000	Nam	0	0.25	D01	17.95	18.2	NV7




STT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng T'
169	227	17005964	LÊ LINH THỦY	022300004898	16/10/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.9	18.15	NV2
170	228	06003735	NGUYỄN NGỌC TOÀN	085911640	24/07/1999	Nam	2	0.75	D01	15.4	18.15	NV2
171	230	01008224	ĐẶNG NHẢ MAI	001300008341	27/11/2000	Nữ	0	0	D01	18.1	18.1	NV1
172	231	25001850	MAI ÁNH TUYẾT	036300002465	31/03/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.85	18.1	NV2
173	232	05000094	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	073572104	07/04/2000	Nam	0	0.75	A00	17.35	18.1	NV4
174	233	22000437	LƯU TRIỆU HÀ VY	033300005647	25/05/2000	Nữ	0	0.25	A00	17.8	18.05	NV4
175	234	10000791	CAO QUỲNH HOA	082343585	25/12/2000	Nữ	0	0.75	D01	19.1	19.85	NV1
176	235	26007305	NGUYỄN VĂN NINH	034200008131	08/08/2000	Nam	0	0.5	A01	17.45	17.95	NV1
177	236	19005999	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	125819349	15/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.7	17.95	NV5
178	237	01019433	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	091880247	05/07/2000	Nữ	0	0	D01	17.85	17.85	NV1
179	238	28001795	TRỊNH THỊ THỦY DƯƠNG	038300015482	18/11/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.6	17.85	NV1
180	239	15003843	TRẦN THỊ LAM	132400905	16/08/2000	Nữ	0	0.75	A00	17.1	17.85	NV3
181	241	29026089	PHAN THỊ QUỲNH MAI	187895431	25/07/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.6	17.85	NV6
182	243	01030379	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG ANH	001300008238	08/08/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.55	17.8	NV5
183	244	28026070	MAI THỦY TRANG	175067943	26/03/2000	Nữ	0	0.5	D01	17.3	17.8	NV6
184	245	28003371	TÓNG VIỆT HÙNG	038200011211	16/01/2000	Nam	0	0.25	A00	17.45	17.7	NV1
185	246	30006968	NGUYỄN DOÃN THÁI HÙNG	184330636	27/09/2000	Nam	0	0.5	A00	17.2	17.7	NV1
186	247	01056356	TRẦN MINH NGỌC	001300006640	26/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.45	17.7	NV4
187	248	13005335	HOÀNG THỊ THOẢN	061128592	07/05/2000	Nữ	2	0.75	D01	14.9	17.65	NV1
188	249	14001308	DƯƠNG THỊ KIM CHI	051135133	01/06/2000	Nữ	0	0.75	A00	16.9	17.65	NV3
189	251	01017693	BÙI THANH LONG	001200034541	21/09/2000	Nam	0	0	A01	17.6	17.6	NV1
190	252	24000815	LẠI TRẦN MINH TRÍ	035200000399	05/12/2000	Nam	0	0.25	D01	19.25	19.5	NV1
191	253	15006525	VŨ THẾ SƠN	132379766	24/01/2000	Nam	0	0.75	A00	16.85	17.6	NV1
192	254	01020053	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	031300000136	28/02/2000	Nữ	0	0	D01	17.6	17.6	NV2
193	255	27004104	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	037300000804	10/01/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.3	17.55	NV1

STT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng T
194	256	21000614	BÙI THỊ THÚY AN	030300002803	15/10/2000	Nữ	0	0.5	A00	17.05	17.55	NV1
195	257	24000657	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	168610954	30/12/2000	Nữ	0	0.25	A00	17.3	17.55	NV4
196	258	03003438	ĐÀM THỊ HẬU	031300000356	12/06/2000	Nữ	0	0	D01	17.5	17.5	NV1
197	259	01051035	NGUYỄN THANH HOÀI	017545410	25/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.25	17.5	NV1
198	260	03004114	NGUYỄN VĂN TIỀN	031200004651	30/05/2000	Nam	0	0	D01	17.5	17.5	NV2
199	261	01012486	NGUYỄN NGỌC LAM ANH	001200009635	19/09/2000	Nam	0	0	D01	17.5	17.5	NV2
200	263	09001052	PHẠM HUYỀN TRANG	071071421	27/06/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.7	17.45	NV1
201	266	18018494	ĐƯƠNG NGỌC OANH	122337926	04/12/2000	Nữ	0	0.25	D01	17.15	17.4	NV1
202	267	19007150	ĐƯƠNG THỊ HUYỀN	125882029	17/02/2000	Nữ	0	0.5	D01	16.9	17.4	NV1
203	268	12007716	VĂN THỊ LINH LY	085905886	22/06/2000	Nữ	0	0.75	D01	16.65	17.4	NV1
204	269	01018622	ĐÀO MAI HẰNG	017300000031	12/03/2000	Nữ	0	0	D01	17.4	17.4	NV1
205	270	01010960	VŨ ĐỨC ANH	013694038	15/06/2000	Nam	0	0	D01	17.4	17.4	NV1
206	271	25018001	TRẦN THỊ VUI	036300010349	07/06/2000	Nữ	0	0.5	A00	16.9	17.4	NV2

Danh sách này có 206 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI
TS. Hà Xuân Hùng